| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN N**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST
Ngày 20-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Mười.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hà Thị Mão.

Bà Vũ Thị Kim Anh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố H.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T(VP Bank); địa chỉ trụ sở: đường L, phường L, quận Đ, thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Hoàng Kim C; nơi cư trú: Thị trấn C, tỉnh H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1218/2020/UQ-VPB ngày 15/4/2020); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Vận tải KD; địa chỉ trụ sở: đường Nguyễn Hữu T, phường Gia V, quận N, thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Nguyễn Đức K – nơi cư trú: đường Nguyễn Hữu T, phường Gia V, quận N, thành phố H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Vận tải KD); vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn H; cùng cư trú: đường Nguyễn Hữu T, phường Gia V, quận N, thành phố H; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2020, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Vận tải KD (viết tắt là Công ty KD) do ông Nguyễn Đức K - Chức vụ: Giám Đốc có vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T(viết tắt là VP Bank), tính trên các hợp đồng, các khế ước nhận nợ còn dư nợ với tổng số tiền là: 1.124.000.000 (một tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu) đồng, thông tin chi tiết về khoản vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016 số tiền vay là 340,000,000 thời hạn vay 12 tháng từ ngày 28/01/2016 đến ngày 28/01/2019. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 23.25%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng biên độ (+) 15%/năm. Trả nợ gốc và nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/02/2016.

- Hợp đồng cho vay số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 số tiền vay đã giải ngân là 210.000.000 thời hạn vay 36 tháng từ ngày 12/07/2016 đến ngày 12/07/2019. Lãi suất cho vay - Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12.35%/năm. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng biên độ (+) 4.3%/năm. Trả nợ gốc và nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/07/2016.

- Hợp đồng cho vay số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 số tiền vay đã giải ngân 574.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 29/09/2016 đến ngày 29/09/2020. Lãi suất cho vay ưu đãi áp dùng năm đầu tiên là 7.5%. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất gửi tiết kiệm 12 tháng của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng biên độ (+)5%/năm. Trả nợ gốc và nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2016.

Biện pháp bảo đảm khoản vay: Hợp đồng bảo lãnh số 280116-996911-01, 02-SME/HĐBL ngày 28/01/2016; hợp đồng bảo lãnh số 090716-996911-01, 02-SME/HĐBL ngày 12/07/2016, bên bảo lãnh ông Nguyễn Đức K và vợ là bà

Nguyễn H đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh Công ty KD trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án, …) và tất cả các nghĩa vụ khác của bên bảo lãnh đối với bên VPBank phát sinh từ hợp đồng vay số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa bên được bảo lãnh và bên ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng: VPBank đã giải ngân cho Công ty KD tổng số tiền là: 1.124.000.000 (một tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu) đồng, Công ty KD đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VPBank từ ngày 14/9/2018 nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ. Ngày 20/02/2020, Công ty KD đã trả cho VPBank số tiền là: Nợ gốc: 731.430.699 đồng; nợ lãi: 243.043.526 đồng. Tổng cộng: 974.474.225 (chín trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi lăm) đồng. Tính đến ngày 20/02/2020, Công ty KD còn nợ VPBank tổng cộng là: 520.017.153 đồng. Trong đó: Nợ gốc phải trả: 392.569.301 đồng; tổng nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là 127.447.852 đồng.

- VPBank đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn Công ty KD phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi. Tạm tính đến ngày 20/8/2020 tổng cộng gốc và lãi là: 561.597.737 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 392.569.301 đồng, lãi trong hạn là: 7.629.737 đồng, lãi quá hạn là: 148.512.171đồng, lãi chênh lệch là: 12.886.528 đồng.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty KD; ông Nguyễn Đức K; bà Nguyễn H thực tế thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho VPBank.

- Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, thu giữ và xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty KD; ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn H để thu hồi khoản nợ cho VPBank.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty KD và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K và vợ là bà Nguyễn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 27/KDTM ngày 25/5/2020 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, không tiến hành được việc lấy lời khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa*.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty KD phải trả cho VPBank theo hợp đồng cấp tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và hợp đồng cấp tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016, đồng thời cung cấp bảng tổng hợp dư nợ của Công ty KD số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2020 tổng cộng gốc và lãi là: 561.597.737 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 392.569.301 đồng, lãi trong hạn là: 7.629.737 đồng, lãi quá hạn là: 148.512.171 đồng, lãi chênh lệch là: 12.886.528 đồng. Trường hợp Công ty KD không thanh toán khoản nợ nêu trên, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, thu giữ và xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty KD; ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn H để thu hồi toàn bộ khoản nợ liên quan đến 03 hợp đồng tín dụng trên cho VPBank.

Bị đơn Công ty KD, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K và vợ là bà Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 121, 122, 319, 361, 362, 363, 388, 389, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn VPBank buộc bị đơn Công ty KD phải trả cho VPBank số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/8/2020 theo hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và hợp đồng tín dụng số

280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016; tổng cộng gốc và lãi là: 561.597.737 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 392.569.301 đồng, lãi trong hạn là: 7.629.737 đồng, lãi quá hạn là: 148.512.171 đồng, lãi chênh lệch là: 12.886.528 đồng. Trường hợp Công ty KD không thanh toán khoản nợ nêu trên, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, thu giữ và xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty KD; ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn H được ký kết tại hợp đồng bảo lãnh trả nợ số 280116-996911-01, 02 -SME/HĐBL ngày 28/01/2016 và hợp đồng bảo lãnh số 090716-996911-01, 02-SME/HĐBL ngày 12/07/2016 để thu hồi khoản nợ cho VPBank. Không chấp nhận yêu cầu của VPBank buộc ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn H phải có nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016; về án phí: Công ty KD phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa ngân hàng, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có địa chỉ trụ sở và hiện đang hoạt động tại: Số 11/9/40 đường Nguyễn Hữu T, phường Gia V, quận N, thành phố H nên Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2020 cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, không có yêu cầu độc lập và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của các đương sự nêu trên là do sự kiện bất khả kháng. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung.

[3] Về tính pháp lý của các hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 giữa VPBank và Công ty KD được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, đúng pháp luật, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[4] Ngày 25 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân quận N thụ lý vụ án, đến ngày 14 tháng 7 năm 2020, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[5] Hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 được ký kết giữa VPBank và Công ty KD có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[6] Thực hiện hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 VPBank đã giải ngân cho bên vay Công ty KD theo khế ước nhận nợ số 280116-996911-01-SME, số 090716-996911-01-SME và khế ước nhận nợ số 280916-996911-01-SME. Số tiền vay: 1.124.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn từ ngày 14/9/2018. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 7 của các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là tổng hợp dư nợ theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 20/8/2020. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là phù hợp. Căn cứ các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 392.569.301 đồng.

+ Xét về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

[7] Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong các hợp đồng tín dụng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh căn cứ, nguyên đơn cung cấp là bảng tính lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ thời điểm giải ngân các khoản vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Căn cứ bảng tổng hợp dư nợ của Công ty KD do VPBank cung cấp là có căn cứ. Đối chiếu bảng tổng hợp dư nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/8/2020 thì khoản tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 thì số tiền nợ lãi trong hạn là 7.629.737 đồng, lãi quá hạn là: 148.512.171 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi chênh lệch: Theo khế ước nhận nợ của hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 có ghi nhận sự thỏa thuận về lãi chênh lệch: *Trong trường hợp khách hàng không thanh toán nợ vay đúng hạn theo thỏa thuận với bên ngân hàng, khách hàng phải thanh toán cho bên ngân hàng khoản lãi chênh lệch được tính theo công thức*: Khoản lãi chênh lệch = (Lãi suất cho vay thông thường - lãi suất cho vay ưu đãi) x số tiền vay x số ngày vay ưu đãi thực tế/360 = (11.60% - 7.50%) x 310.000.000 đồng x 365/360 = 12.886.528 đồng *(dư nợ gốc tại thời điểm phát sinh quá hạn ngày 14/9/2018 là 310.000.000 đồng)* trên cơ sở đó căn cứ yêu cầu của VPBank, buộc Công ty KD phải thanh toán số tiền lãi chênh lệch 12.886.528 đồng. Như vậy yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đối với bị đơn là có căn cứ.

+ Xét hợp đồng bảo lãnh trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016 và hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016.

[8] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016 và hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 giữa VPBank với Công ty KD đã ký các hợp đồng bảo lãnh theo đó bên bảo lãnh là ông Nguyễn Đức K và vợ là bà Nguyễn H đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty KD trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án, …) và tất cả các nghĩa vụ khác của bên bảo lãnh đối với bên VPBank. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng

tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi ngày 14/9/2018, khoản vay chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng đã đôn đốc bị đơn trả nợ nhưng đến nay phía bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Như vậy căn cứ vào nội dung của các hợp đồng bảo lãnh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K và vợ là bà Nguyễn H đã tự nguyện thực hiện hợp đồng để bảo lãnh đối với bên được cấp tín dụng Công ty KD là có căn cứ theo quy định tại các điều 319, 361, 362, 363 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K và vợ là bà Nguyễn H phải liên đới trả nợ cho VPBank như nội dung ông bà đã cam kết theo bảng kê chi tiết gốc, lãi tại 02 hợp đồng tín dụng nêu trên được VPBank lập là bảng tổng hợp dư nợ của Công ty KD tạm tính đến ngày 20/8/2020 tổng cộng là 153.953.964 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 101.783.195 đồng; nợ lãi trong hạn là: 2.408.222 đồng, nợ lãi quá hạn là 49.762.547 đồng là có căn cứ.

[9] Tại phiên tòa hôm nay quan điểm của đại diện nguyên đơn yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K và vợ là bà Nguyễn H phải chịu bảo lãnh liên đới trả nợ cho VPBank tất cả các hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa VPBank với bị đơn, trong đó có hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 là không có căn cứ bởi ngay sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 giữa VPBank và vợ chồng ông K, bà Hậu hoàn toàn không ký hợp đồng bảo lãnh phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 giữa bên được bảo lãnh và bên VPBank. Từ nhận định trên, yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[10] Như vậy việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại các hợp đồng tín dụng của bị đơn đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của VPBank. Để bảo đảm thu hồi vốn vay, VPBank đề nghị Toà án buộc bị đơn Công ty KD phải thanh toán số tiền còn nợ gồm các hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 được tính đến ngày xét xử 20/8/2020 theo bảng tổng hợp dư nợ của Công ty KD với tổng số tiền là: 561.597.737*(năm trăm sáu mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi bảy)* đồng; trong đó: Nợ gốc là: 392.569.301 đồng, lãi trong hạn là: 7.629.737 đồng, lãi quá hạn là: 148.512.171 đồng, lãi chênh lệch là: 12.886.528 đồng, quy định tại các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

+ Về án phí:

[11] Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn VPBank được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Công ty KD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là: 20.000.000 đồng + 4% x (561.597.737 đồng - 400.000.000 đồng) = 26.464.000 (*hai mươi sáu triệu,bốn trăm sáu mươi tư nghìn)* đồng (làm tròn). Trả lại cho VPBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.400.000 đồng *(mười hai triệu bốn trăm nghìn)* đồng.

+ Về quyền kháng cáo bản án:

[12] Nguyên đơn VPBank, bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại KD, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 121, 122, 124, khoản 1 Điều 319, các điều 361, 362, 363, 388, 389, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng:

1. Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại KD phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Ttổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính

đến ngày 20/8/2020 theo hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016, hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 và hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016 là 561.597.737 *(năm trăm sáu mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi bảy)* đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 392.569.301 đồng, lãi trong hạn là: 7.629.737 đồng, lãi quá hạn là: 148.512.171 đồng, lãi chênh lệch là: 12.886.528 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại KD còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại KD không thanh toán được khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 280116-996911-01-SME ngày 28/01/2016 và hợp đồng tín dụng số 090716-996911-01-SME ngày 12/07/2016 tạm tính đến ngày 20/8/2020 tổng cộng là 153.953.964 *(một trăm năm mươi ba triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi tư)* đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 101.783.195 đồng; nợ lãi trong hạn là: 2.408.222 đồng, nợ lãi quá hạn là 49.762.547 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tcó quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, thu giữ và xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại KD; ông Nguyễn Đức K cùng vợ là bà Nguyễn H để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tyêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn H phải chịu bảo lãnh liên đới trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 280916-996911-01-SME ngày 29/09/2016.

- Về án phí:

Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại KD phải nộp 26.464.000 *(hai mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi tư nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.400.000*(mười hai triệu, bốn trăm nghìn)* đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006461 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại KD, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Mười**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Mười**

***Nơi nhận:***
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Mười**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Mười**